

**TÒA ÁN NHÂN S
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2021/HS-ST
Ngày 15-11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN S HUYỆN K - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Dũng

Các Hội thẩm nhân S:

1. Ông Nguyễn Huy Minh - Bí thư Huyện đoàn K
2. Bà Đào Thị Minh - Giáo viên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hạnh - Thư ký Tòa án nhân S huyện K, thành phố Hà Nội.

- Đại diện V kiểm sát nhân S huyện K, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đặng H Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2021 tại Học V Tòa án, Tòa án nhân S huyện K xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án hình sự thụ lý số 169/2021/TLST-HS ngày 15/10/2021 và Quyết D đưa vụ án ra xét xử số 174/2021/QĐXX-HSST ngày 18/10/2021, đối với các bị cáo:

1. Vũ Văn T - Giới tính: Nam; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 03/4/2003 tại: Hưng Yên; HKTT: H, xã M, huyện Văn G, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; S tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; con ông: Vũ Văn Đ (c) và con bà: Chu Thị L; Tiền án, tiền sự: Theo danh chỉ bản số 392 ngày 11/6/2021 do Công an huyện K lập và lý lịch bị can thì bị cáo chưa có tiền án tiền sự. Ngày 04/11/2021, Tòa án nhân S quận H Mai xử phạt bị cáo 07 năm tù về tội: Cướp tài sản theo quy D tại khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự đối với hành vi phạm tội ngày 14/4/2021.

Bị cáo bị bắt ngày 17/4/2021 theo Lệnh bắt tạm giam của Công an quận H Mai; hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Vũ Văn V - Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; sinh ngày: 23/11/2005 (khi phạm tội là 15 tuổi 04 tháng 24 ngày); Nơi sinh: Yên Bái; HKTT: Thôn N, xã Châu Q, huyện V, tỉnh Yên Bái; chỗ ở: Thôn T, xã C, huyện Văn G, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; S tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Con ông: Vũ Văn Đ và con bà: Nguyễn Thị T; Tiền án, tiền sự: Theo danh chỉ bản số 393 ngày 11/6/2021 do Công an huyện K lập và Lý lịch bị can thì bị cáo chưa có tiền án tiền sự. Ngày 04/11/2021, Tòa án nhân S quận H Mai xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng tù về tội: Cướp tài sản theo quy D tại khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự đối với hành vi phạm tội ngày 14/4/2021.

Bị cáo bị bắt ngày 17/4/2021 theo Lệnh bắt tạm giam của Công an quận H Mai; hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Vũ Văn V:* Ông Vũ Văn Đ (là bố đẻ), sinh năm 1966; Nơi ĐKKHKT tại: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái và nơi ở hiện nay tại: Thôn T, xã Cửu C, huyện V, tỉnh Hưng Yên; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vũ Văn V:* Bà Nghiêm Thị N - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hà Nội; có mặt

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Đức N, sinh năm: 1990; trú tại: Thôn Bàu, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội (Nay ở tại: Số 183 Lĩnh Nam, phường Vĩnh Hưng, quận H Mai, thành phố Hà Nội); xin vắng mặt.

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991; trú tại: K, xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên; xin vắng mặt.

2. Cháu Nguyễn Như Q, sinh năm 2005; xin vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu Q là: Ông Nguyễn Văn S (là bố đẻ); xin vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn S, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do không có tiền tiêu xài nên Vũ Văn T

đã rủ Vũ Văn V đi cướp tài sản của người khác, V đồng ý. Để thực hiện được mục đích của mình, T sử dụng tài khoản Facebook “Trịnh Việt H” của Đào Văn K sinh 16/10/2003, HKTT: thôn Công Luận, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hưng Yên đăng bán chiếc xe máy hiệu Honda Wave không BKS của T lên mạng xã hội kèm theo số điện thoại 0973208116 của Vũ Văn V để người mua liên hệ. Khi có khách đặt mua xe thì T và V sẽ hẹn khách đến một địa điểm vắng người qua lại để giao xe. Khi nhận đủ tiền mua xe của khách thì T và V sẽ không giao xe mà dùng dao khống chế chiếm đoạt tiền của khách. Ngày 16/4/2021, anh Nguyễn Đức N thấy thông tin mua bán xe máy cũ đăng trên mạng xã hội Facebook “Trịnh Việt H”, anh N tưởng T bán xe máy thật nên đã gọi vào số máy của V đăng trên Facebook. Sau đó, T mượn điện thoại của K có số thuê bao 0365798567 để gọi lại cho anh N. T và anh N thỏa thuận thống nhất việc mua bán xe máy với giá 5.000.000 đồng. T hẹn anh N đến khu vực xã D, huyện K, thành phố Hà Nội để thực hiện giao dịch mua bán chiếc xe máy, anh N đồng ý và đi đến điểm hẹn. T và V cùng đi thực hiện hành vi phạm tội; khi đi, V mang theo 01 con dao dạng gọt hoa quả lấy ở phòng trọ cất vào cốp xe. Khoảng 15 giờ cùng ngày, T điều khiển xe máy hiệu Honda Wave không BKS của T chở V đến khu vực Thôn 2, xã D, huyện K để gặp anh N. Khi đến địa điểm đã hẹn, do đông người sợ bị phát hiện nên T đã bảo anh N đến khu vực gần nghĩa trang thuộc Thôn 2, xã D, huyện K, thành phố Hà Nội để giao dịch mua bán xe máy. Tại đây, T là người trực tiếp thỏa thuận và thống nhất bán xe với giá 4.500.000 đồng cho anh N. Anh N xem xe và đồng ý. Do anh N không có tiền mặt nên đã chuyển tiền qua ứng dụng Internet Banking. T đồng ý và nhắn tin qua ứng dụng Messenger Facebook cho Nguyễn Như Q (là bạn T qua mạng xã hội) nhờ Q mượn hộ một tài khoản ngân hàng. Q đồng ý và cho T số tài khoản 103872447282 chủ tài khoản là Nguyễn Thị T (là người quen biết). Anh N đã dùng Internet Banking chuyển số tiền 4.500.000 đồng đến tài khoản trên cho T. Sau khi xác nhận đã nhận đủ tiền, T đã nhờ Q lấy hộ tiền để đưa lại cho T. Do đã có ý D từ trước nên T nói với N mở cốp xe máy để lấy đồ rồi lên xe đi làm thủ tục. V mở cốp xe lấy dao gọt hoa quả mang theo từ trước đi về phía sau anh N. Khi anh N chuẩn bị lên xe thì V từ phía sau dùng con dao gọt hoa quả dí vào cổ anh N đe dọa và yêu cầu xuống xe. Do sợ bị đánh nên anh N đã làm theo yêu cầu của V. T lên xe nổ máy chở V phóng xe ra đường 39 đi về phía Hưng Yên để tẩu thoát. Khi đến khu vực cầu vượt Ecopark, V đã rút con dao gọt hoa quả đó xuống sông nên cơ quan điều tra không thu giữ được. Ngay sau đó, anh N đã đến Công an xã D thuộc Công an huyện K

làm đơn trình báo. Đối với số tiền 4.500.000 đồng chiếm đoạt được của anh N, Q đã trả tiền phí cho T là 20.0000 đồng, số tiền còn lại Q đã trả cho T. Sau đó, T đã trả Q số tiền 1.000.000 đồng vay từ trước đó. Số tiền còn lại, T và V đã tiêu sài hết.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ của chị Nguyễn Thị T số tiền 20.000 đồng, thu giữ của cháu Nguyễn Như Q số tiền 1.000.000 đồng.

Ngoài ra, cũng với phương thức và thủ đoạn như trên, ngày 14/4/2021 Vũ Văn T và Vũ Văn V đã thực hiện hành vi cướp tài sản tại phường Lĩnh Nam, quận H Mai, thành phố Hà Nội. Ngày 17/4/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an quận H Mai, thành phố Hà Nội đã bắt giữ T và V. Ngày 04/11/2021, Tòa án nhân S quận H Mai đã đưa vụ án ra xét xử và xử phạt Vũ Văn T 07 năm tù; Vũ Văn V 03 năm 06 tháng tù về tội: “Cướp tài sản”.

Tại bản Cáo trạng số 176/CT-VKSGL ngày 13/10/2021 của V Kiểm sát nhân S huyện K, thành phố Hà Nội đã truy tố các bị cáo Vũ Văn T và Vũ Văn V về tội: “Cướp tài sản” theo quy D tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Người đại diện hợp pháp cho bị cáo V xác nhận lời khai của bị cáo tại phiên tòa và đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Người bào chữa cho bị cáo V đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị xử phạt bị cáo mức án dưới mức khởi điểm của khung hình phạt.

Đại diện V kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo, qua tranh luận tại phiên tòa hôm nay thấy rằng: Hành vi của các bị cáo Vũ Văn T và Vũ Văn V đã đủ yếu tố cấu thành tội: Cướp tài sản theo điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, Điều 17, Điều 38, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T; Điều 91 và khoản 2 Điều 101 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo V; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Về hình phạt: Đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Văn T mức án tù 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt

thi hành án. Đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Văn V mức mức án tù 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về S sự: Không.

Về hình phạt bổ sung: Không.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị trả lại cho bị cáo T, V số tiền 1.020.000 đồng nhưng cho tạm giữ để bảo đảm cho việc thi hành án.

Nói lời sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN D CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận D như sau:

- Về tố tụng:

[1]. Về hành vi tố tụng, quyết D tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, V Kiểm sát nhân S huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy D của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết D của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết D tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng huyện K là hợp pháp.

- Về tội danh:

[2]. Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền và nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng của V Kiểm sát nhân S huyện K đã truy tố.

Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận: Do cần tiền tiêu xài cá nhân, Vũ Văn T đã rủ Vũ Văn V đi cướp tài sản của người khác bằng thủ đoạn rao bán chiếc xe máy hiệu Honda Wave không BKS của T trên mạng xã hội Facebook. Do tin tưởng việc mua bán xe, anh Nguyễn Đức N đã liên hệ với T để hỏi mua chiếc xe máy. Khoảng 15 giờ ngày 16/4/2021, tại khu

vực gần nghĩa trang thuộc địa phận thôn 2, xã D, huyện K, thành phố Hà Nội, T thống nhất bán chiếc xe máy trên cho anh N với giá 4.5000.000 đồng. Sau khi anh N chuyển số tiền 4.500.000 đồng vào tài khoản do T cung cấp thông qua ứng dụng Internet Banking xong, V đã dùng dao gọt hoa quả mang theo từ trước dí vào cổ anh N đe dọa làm anh N sợ nhằm chiếm đoạt số tiền 4.500.000 đồng rồi lên xe máy tẩu thoát.

[3]. Hành vi của các bị cáo Vũ Văn T và Vũ Văn V đã đủ yếu tố cấu thành tội: Cướp tài sản. Tội danh và hình phạt được quy D tại Điều 168 của Bộ luật Hình sự. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn; trong đó, bị cáo Vũ Văn T là người chủ mưu, khởi xướng, rủ rê và thực hành còn bị cáo Vũ Văn V là người thực hành. Các bị cáo đã dùng dao gọt hoa quả mang theo từ trước dí vào cổ anh N đe dọa làm anh N sợ nhằm chiếm đoạt số tiền 4.500.000 đồng rồi lên xe máy tẩu thoát. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã vi phạm điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

[4]. Do đó, V Kiểm sát nhân S huyện K đề nghị truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ và đúng quy D của pháp luật.

[5]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo đã có ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được Bộ luật Hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân S. Vì vậy, cần phải nghiêm trị đối với bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

[6]. Về tình tiết tăng nặng: Khi phạm tội, nhân thân của bị cáo chưa có tiền án tiền sự. Bị cáo T là người khởi xướng và xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội nên bị cáo T là phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo V không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7]. Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động đến gia đình để bồi thường toàn bộ số tiền cho bị hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; hoàn cảnh gia đình bị cáo T có nhiều khó khăn là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy D tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đáng lưu ý, bị cáo V phạm tội khi mới 15 tuổi 04 tháng 24 ngày nên cần áp dụng Điều 91 và khoản 2 Điều 101 của Bộ luật Hình sự để xem xét và quyết D hình phạt đối với bị cáo V là có căn cứ.

[8]. Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Vũ Văn T,

Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt bị cáo một mức án tù trong khung hình phạt nhằm cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Khi quyết D hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo vì bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nhận D ở trên là có căn cứ.

Đối với bị cáo Vũ Văn V, khi phạm tội chưa đủ 16 tuổi và bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nhận D ở trên nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 101 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo mức hình phạt dưới mức khởi điểm của khung hình phạt là có căn cứ.

- Về hình phạt bổ sung:

[9]. Xét thấy bị cáo T không có nghề nghiệp, thu nhập ổn D, không có tài sản riêng. Bị cáo V là người chưa thành niên nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là có căn cứ.

- Về trách nhiệm S sự:

[10]. Tại cơ quan điều tra, bị hại yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 4.500.000 đồng. Quá trình chuẩn bị xét xử, gia đình các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền trên và bị hại không có yêu cầu khác gì về S sự nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

- Về xử lý vật chứng:

[11]. Thu giữ của chị T số tiền 20.000 đồng tiền phí chuyển tài khoản và thu giữ của cháu Q 1.000.000 đồng tiền do bị cáo T trả nợ vay. Quá trình điều tra, chị T và cháu Q có ý kiến không yêu cầu nhận lại số tiền trên. Đáng lẽ số tiền trên sẽ được trả lại cho bị hại nhưng bị hại đã nhận lại đầy đủ số tiền do gia đình các bị cáo bồi thường. Vì vậy, cần trả lại cho bị cáo T và bị cáo V, mỗi người số tiền là 510.000 đồng nhưng cho tạm giữ số tiền trên bảo đảm cho việc thi hành án là có căn cứ.

- Về các vấn đề khác:

[12]. Đối với Đào Văn K mặc dù cho T mượn tài khoản Facebook để đăng bài bán xe và điện thoại để liên hệ với người mua xe nhưng không biết mục đích của T là để cướp tài sản, do vậy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K không có căn cứ để xử lý.

[13]. Đối với Nguyễn Như Q và Nguyễn Thị T khi cho T mượn số tài khoản ngân hàng không biết mục đích của T là gửi tiền do cướp được mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K không xem xét xử lý.

[14]. Đề nghị của đại diện V Kiểm sát nhân S huyện K về mức hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, về trách nhiệm S sự, về hình phạt bổ sung, về xử lý vật chứng và về các vấn đề khác là phù hợp với nhận D của Hội đồng xét xử.

- Về án phí:

[15]. Bị cáo Vũ Văn T phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Vũ Văn V là trẻ em nên được miễn nộp tiền án phí Hình sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quyền kháng cáo:

[16]. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo theo quy D của pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT D

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Vũ Văn T 07 năm 03 tháng tù về tội: “Cướp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 91 và khoản 2 Điều 101 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Vũ Văn V 03 năm 06 tháng tù về tội: “Cướp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

4. Về trách nhiệm S sự: Không.

5. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Trả lại cho bị cáo Vũ Văn T và bị cáo Vũ Văn V, mỗi bị cáo số tiền 510.000 đồng nhưng cho tạm giữ để bảo đảm cho việc thi hành án.

(Hiện có Chi cục Thi hành án S sự huyện K theo Biên lai thu tiền số AA/2020/0054913 ngày 19/10/2021).

6. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Vũ Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm. Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Vũ Văn V.

7. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp và người bào chữa của bị cáo V có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo những vấn đề có liên quan trực tiếp đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- VKS ND huyện K;
- Công an huyện K;
- UBND xã Mễ Sở, xã Cửu Cao, huyện V, tỉnh Hưng Yên (Thay cho thông báo kết quả xét xử);
- Chi cục THADS huyện K;
- Bị cáo và những người TGTT khác;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Quang Dũng